TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày 17 - 01 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Phạm Hồng Ân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 485/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 541/2022/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Ông Trần Thanh T(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Việt S trình bày: Vào ngày 15/01/2022, bà Trương Thị L vay ông số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 1,66%/tháng. Quá trình nhận tiền, bà L có ký tên vào biên nhận nợ, hẹn thời gian trả nợ vào ngày 01/02/2022. Từ khi còn nợ đến nay bà L có trả 7.000.000 đồng vào các ngày 16/01/2022, ngày 05/3/2022, ngày 18/6/2022 và ngày 12/8/2022. Từ ngày 12/8/2022 đến nay không trả như thỏa thuận, ông có liên hệ yêu cầu trả tiền nhưng bà L cứ hẹn và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ông Trần Thanh T là chồng bà L, do nơ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu ông Trần Thanh

T cùng liên đới trả nợ với bà L. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị L và ông Trần Thanh T liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 23.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 12/8/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện bà Trương Thị L và ông Trần Thanh T trả tiền từ việc vay tiền còn nợ chưa thanh toán nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Trương Thị L và ông Trần Thanh T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp:* Ông Nguyễn Việt S xác định bà Trương Thị L còn nợ tiền vay là 23.000.000 đồng. Bà L là người ký tên vào biên nhận nợ. Từ đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[3]. *Về nội dung:* Ông Nguyễn Việt S xác định là vào ngày 15/01/2022, bà Trương Thị L vay ông số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 1,66%/tháng (biên nhận ghi 1,67%). Quá trình nhận tiền, bà L có ký tên vào biên nhận nợ, hẹn thời gian trả nợ vào ngày 01/02/2022. Từ khi còn nợ đến nay bà L có trả 7.000.000 đồng vào các ngày 16/01/2022, ngày 05/3/2022, ngày 18/6/2022 và ngày 12/8/2022. Từ ngày 12/8/2022 đến nay bà L không đóng lãi, không trả vốn như đã thỏa thuận. Ông Nguyễn Việt S có liên hệ đòi nhưng bà L cứ hứa hẹn và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó bà L phải có trách nhiệm trả tiền cho ông Nguyễn Việt S.

[4]. Về nghĩa vụ thanh toán: Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ông T là chồng bà L, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả số tiền còn nợ cho ông Sử, ông yêu cầu tính lãi suất là 1,66%/tháng, số tiền cụ thể được tính như sau: 23.000.000 đồng tính lãi từ ngày 12/8/2022 đến ngày 17/01/2023 là 05 tháng 05 ngày, tiền lãi được tính như sau: 23.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 05 tháng 05 ngày = 1.972.633 đồng. Như vậy, tổng cộng vốn và lãi là 24.972.633 đồng.

[5]. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông Nguyễn Việt S đã cung cấp biên nhận nợ ngày 15//01/2021 có nội dung bà L còn nợ số tiền vay là 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông khẳng định bà L đã trả 7.000.000 đồng, còn nợ lại ông 23.000.000 đồng.

[6]. Đối với bà L, ông T không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Nguyễn Việt S cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Do bà L,

ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S là buộc bà L, ông T phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền là 24.972.633 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Việt S được chấp nhận nên bà L, ông Trị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng điều 463; điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

Buộc bà Trương Thị L, ông Trần Thanh T liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền là 24.972.633 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Trương Thị L, ông Trần Thanh T phải chịu 1.248.631 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi mốt đồng).

Ông Nguyễn Việt S được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 575.000 đồng (năm trăm bảy mươi lămnghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018266 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước